

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC TRẺ LỚP
MẪU GIÁO 3-4 TUỔI. NĂM HỌC 2025 - 2026**

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Dự kiến CĐ
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra, gà gáy sáng Thổi bóng bay, thổi nơ - Tay: + Hai tay lên cao, ra phía trước, dang ngang + Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau + Từng tay đưa lên cao, hay tay dang ngang - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi về phía trước + Đứng nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đưa tay sau gáy + Đứng cúi người về trước, ngả người ra sau - Động tác chân: + Bật tách chụm tại chỗ	1- 9

		+ Đứng khuyu gối. + Từng chân đưa ra trước, ra sau, sang ngang. + Đứng nâng cao chân, gập gối + Bật lên trước, lùi lại, sang bên	
2	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót liên tục 3m- Bật tiến về phía trước - Đi trong đường hẹp	3 5
3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc - Đi chạy theo cô	3 4 2
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Tung và bắt bóng - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Chuyển bóng bằng 2 tay (qua phải, trái)	2 3 3 4

5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài	- Bật tại chỗ	1
		- Bò theo hướng thẳng	1
		- Bật tiến về phía trước	2
		- Bật xa (20-25cm)	2
		- Bò theo đường dích dắc	3
		- Trườn theo hướng thẳng	4
		- Bò chui qua cổng	4
		- Bật xa 20-25cm – Đi trong đường hẹp	7
		- Trèo lên xuống ghế	5
		- Chạy theo đường dích dắc. Bật tại chỗ	5
		- Bước lên xuống bậc cao 30cm	5
		- Bò thấp chui qua cổng. Chạy theo hướng thẳng	6
		- Chạy nhanh 15m	6
		- Ném trúng đích nằm ngang	6
		- Trườn về phía trước. Đập bóng xuống sàn	6
		- Bò trong đường hẹp	7
		- Ném xa bằng 1 tay.	5
		- Ném trúng đích bằng 1 tay	6
		- Ném xa bằng 1 tay. Chạy nhanh 15m	8
		- Trườn về phía trước	8
		- Tung bắt bóng cùng cô. Bật tiến về phía trước	9
		- Ném xa bằng 2 tay	9
		- Bật xa. Chạy theo hướng thẳng 15m	9

		- Chạy theo hướng thẳng 15m	2
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau	Tập các cử động của bàn tay, ngón tay: - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	1 - 9
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. - Tụ cài, cởi cúc.	Phối hợp tay, mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ: - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Cài, cởi cúc.	1- 9
b) GD Dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: Bé trai: 12,7 – 21,2 kg Bé gái: 12,3-21,5 kg Chiều cao: Bé trai: 94,9-111,7cm Bé gái : 94,1-111,3 cm	- Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - <i>Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</i>	1,4,7,9
9	Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	2

10	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	3
11	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2
12	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - <i>Kỹ năng tự phục vụ:</i> + <i>Tự phục vụ vệ sinh cá nhân (Chải đầu, buộc tóc, đi vệ sinh); Tự chăm sóc bản thân</i> + <i>Tự phục vụ khi ngủ: Biết tự lấy và cất chăn, gối và nằm đúng chỗ</i> - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> + <i>Cùng dọn dẹp gọn gàng, ngăn nắp không gian sinh hoạt (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ...)</i> - Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập thao tác rửa tay bằng xà phòng	1,2
13	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - <i>Kỹ năng tự phục vụ: Tự phục vụ khi ăn uống:</i>	1, 3

		+ <i>Tự lấy và cất ghế, lau bàn</i> - <i>Kỹ năng sử dụng các đồ dùng, thiết bị an toàn: Sử dụng hiệu quả các đồ dùng thông dụng trong sinh hoạt và học tập</i>	
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> + <i>Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bản thân (ăn uống đúng giờ, chăm sóc mắt, mũi, răng, miệng): Trẻ đánh răng, rửa mặt hàng ngày, không nhét các vật vào mũi, tai...</i>	2
15	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.. - Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân, không sử dụng nước nhiễm bẩn trong mưa lũ để tránh dịch bệnh. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau, chảy máu - Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất	2,3,4,8

		thường - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - <i>Kỹ năng tự phục vụ: Lựa chọn và sử dụng trang phục đúng mùa, đúng cách</i>	
16	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> + <i>Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt, và một số vật dụng có thể gây cháy nổ: Bếp ga, bình ga, điện...</i> + <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ: Không tự ý sử dụng các vật dụng có thể gây cháy nổ, báo cho người lớn khi phát hiện cháy, tìm cách thoát khỏi đám cháy...</i> + <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Nút báo động, bình chữa cháy</i>	2
17	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao,	- Nhận biết và phòng tránh những nơi	

	bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở. Trẻ có kĩ năng ứng phó phù hợp khi có thiên tai: mưa bão ở trong nhà, làm theo lời người lớn...	không an toàn đến tính mạng như: Hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. - Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai. - Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> + <i>Nhận biết và đánh giá đơn giản về tình huống, vấn đề và lựa chọn cách giải quyết phù hợp: Mưa bão thì không đi ra khỏi nhà, sạt lở đất thì không được tới gần và đi qua, lũ lụt thì chạy đến khu vực đất cao hơn và an toàn, động đất thì chạy ra chỗ đất trống...</i> + <i>Ứng phó khi gặp mưa, gió, bão, sạt lở đất: Không đi qua và lại gần quanh khu vực sạt lở đất, không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh</i> + <i>Ứng phó với sự thay đổi môi trường: Khi có dịch bệnh covid trẻ biết đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng, không đến những nơi đông người...</i>	8
--	---	---	---

18	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi nhắc được nhờ - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> + <i>Phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc:</i> <i>Không nói chuyện và nhận quà của người lạ, không ở nhà một mình, không ở một mình chỗ đông người....</i>	1,3
2. Lĩnh vực phát triển Nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
19	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ + Các con đã biết gì về mưa? + Con thấy mưa, bão có đáng sợ không? + Khi mưa, bão nhiều con người sẽ gặp nguy hiểm gì? + Khi mưa thường hay xảy ra hiện tượng gì?	8

20	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm (nổi bật), công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,2, 3,4,7,8,9
21	Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ cây gần gũi - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi - Quá trình phát triển của cây; điều kiện sống của một số loại cây + Làm đất, gieo các loại hạt đậu, ngô... + Trồng cây hoa ở góc thiên nhiên: tưới cho cây, không tưới cho cây... - Trải nghiệm: Vắt nước cam - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn: Tiếp xúc an toàn với các cây, hoa, quả:</i> + <i>Không tiếp xúc với cây, hoa, quả có độc, cây có gai ...</i> - Quá trình phát triển của con vật; điều kiện sống của một số con vật. - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn: Tiếp xúc an toàn với động vật:</i> + <i>Không đến gần con vật hung dữ, rửa tay bằng xà phòng sau khi tiếp xúc với các con vật...</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất,	2,5,6

		đá, sỏi, cát: + Thí nghiệm vật chìm, vật nổi...	
22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Ảnh hưởng của các PTGT đối với môi trường: ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người	5,6 7
23	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	1,3,5,6,7
24	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con	5,6,8

		người, con vật và cây + <i>Mưa nhiều sẽ làm cho cây, hoa quả chậm phát triển, con vật dễ bị nhiễm bệnh...</i>	
25	- Biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo - Trẻ nhận biết, gọi tên và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai hay xảy ra ở địa phương	- Một vài đặc điểm tính chất tính của đất đá, cát, sỏi - Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai: - Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống. - Lũ: là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường. - Bão, lũ, sạt lở đất, giông, sấm sét, mưa đá, động đất... - Động đất ra chỗ đất trống - Sấm sét: Tránh xa cây to, cột điện, đỉnh núi hoặc người cầm cuốc xẻng/các vật dụng kim loại - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày	8
26	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm	- Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia	1-9

	nhạc, tạo hình...	đình, bác sỹ xây dựng...	
b) Làm quen biểu tượng toán sơ đẳng			
27	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	4, 6,8
28	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	4,6,8
29	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Nhận biết một và nhiều - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn; (ít nhất) - Xếp tương ứng 1 - 1; ghép đôi	1,3,4, 5
30	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 3, 4,5	5,6,9
31	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách 1 nhóm đối tượng phạm vi 3, 4,5	5,6,9
32	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	3, 5, 7
33	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. + So sánh chiều dài của 2 đối tượng	2,3,6

	hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	+ So sánh chiều cao của 2 đối tượng + So sánh chiều rộng của 2 đối tượng	
34	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.	2, 3
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết tay phải – tay trái - Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau của bản thân	2,3,5
c) Khám phá xã hội			
36	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2
37	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
38	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	
39	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1
40	Trẻ có thể kể tên và nói được sản	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một	4

	phẩm của Nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	số nghề phổ biến. - Tôn trọng, yêu quý những người làm công tác phòng, chống thiên tai.	
41	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Ngày hội đến trường của bé - Trò chuyện về ngày 20/10 - Tìm hiểu về ngày hội 20/11 - Tìm hiểu về ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22-12 - Ngày tết cổ truyền dân tộc (Thái, mông, kinh, khơ mú) - Trò chuyện về ngày hội 8/3 - Trò chuyện về ngày tết thiếu nhi 1/6 - Cờ Tổ Quốc - Hát quốc ca	1,2,3,4, 5,6, 9
42	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương: <i>Hầm Đờ cát, Đồi AI, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng, Hầm đại tướng Võ Nguyên Giáp...</i>	6
43	<i>Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, một số bộ phận cơ thể, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	- Một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, tên, một số bộ phận cơ thể, màu sắc, bộ phận, (các giác quan và các thành viên trong gia đình) nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè... - Làm quen với tiếng việt (học tiếng	1-9

		việt) + Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi... + Các từ chỉ hành động, khuôn mặt, màu sắc, số đếm 1, 2, 3... + Các từ chỉ các phòng trong nhà bé, cảm xúc của bé... + Các từ chỉ một số nghề gần gũi + Các từ chỉ một số con vật quen thuộc + Các từ chỉ một số loại hoa, quả... + Các từ chỉ một số PTGT, biển báo GT... + Các từ chỉ thời tiết mùa hè , một số hoạt động trong mùa hè... + Các từ chỉ một số địa danh ở Điện Biên...	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe hiểu lời nói			
44	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	4
45	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu	1- 9

		mở rộng - Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của biến đổi khí hậu theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên lũ lụt	
46	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1- 9
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
47	Trẻ nói rõ các tiếng. <i>Trẻ nói được từ, câu tiếng việt đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.</i>	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - <i>Nói tiếng việt tên chỉ trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc</i> - <i>Nói tiếng việt từ chỉ tên, giới tính, một số bộ phận trên cơ thể</i> - <i>Nói tiếng việt tên chỉ một số thành viên trong gia đình, hành động</i> - <i>Nói tiếng việt tên chỉ nghề nghiệp quen thuộc</i> - <i>Nói tiếng việt tên chỉ một số hoa, quả</i> - <i>Nói tiếng việt tên chỉ con vật</i> - <i>Nói tiếng việt chỉ PTGT</i> - <i>Nói tiếng việt tên chỉ mùa hè</i> - <i>Nói tiếng việt tên chỉ một số địa danh</i>	1-9

		<i>ở Điện Biên...</i>	
48	Trẻ biết Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	Trả lời và đặt các câu hỏi: “ Ai?”; “ Cái gì?”; “ Ở đâu?”; “ Khi nào?” “Để làm gì”. - Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hàng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. - <i>Kỹ năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp xã hội:</i> + <i>Trình bày ý kiến cá nhân: Tự tin, nói năng lễ phép, rõ ràng, hiểu vấn đề cần trình bày...</i> - <i>Kỹ năng tư duy phản biện: Đặt câu hỏi phù hợp về tình huống/ vấn đề</i> - <i>Kỹ năng giải quyết vấn đề: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng phù hợp với tình huống</i>	1-9
49	Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	1- 9
50	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem	- Kể lại sự việc - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	1- 9

	phim...		
51	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1-9
52	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	8
53	Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	5
54	Trẻ biết sử dụng các từ “ Vâng ạ”; “Dạ”; “ Thưa” ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	3
55	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	3
c. Làm quen với đọc- viết			
56	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.	9
57	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật qua tranh ảnh có sự giúp đỡ	8
58	Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:	1-9

		+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Làm quen với sử dụng sách bút - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội			
a. Phát triển tình cảm			
*Thể hiện ý thức về bản thân			
59	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính. - Bình đẳng giới - <i>Kỹ năng tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh:</i> + <i>Nhận biết về bản thân/gia đình/ cô giáo và bạn bè (Tên, tuổi, giới tính, sở thích...)</i> + <i>Thể hiện mình thuộc dân tộc: Kinh, thái, H'Mông, Khơ Mú...</i>	2
60	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích. - <i>Kỹ năng ra quyết định:</i> + <i>Lựa chọn hoạt động: Trẻ lựa chọn hoạt động mà mình yêu thích và thực</i>	2

		<i>hiện</i>	
* Thể hiện sự tự tin, tự lực			
61	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Chờ đến lượt	4
62	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - <i>Kỹ năng tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh:</i> + <i>Tự tin vào bản thân: Trẻ mạnh dạn thể hiện khả năng của bản thân trước mọi người</i>	6
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
63	Trẻ có thể Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) của bản thân và người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói (tranh ảnh) - <i>Kỹ năng đồng cảm với người khác:</i> + <i>Chia vui chia buồn với người khác: Trẻ biết nói lời khen ngợi, động viên với người khác</i>	7
64	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - <i>Kỹ năng đồng cảm với người khác:</i>	7

		+ <i>Giúp đỡ, chia sẻ, đồng cảm với người khác:</i> - <i>Kỹ năng kiểm soát cảm xúc:</i> + <i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh</i> + <i>Vượt qua sự lo lắng/sợ hãi/nỗi buồn:</i> + <i>Ứng xử khi bị chế giễu: Giữ bình tĩnh, báo với cô giáo, yêu cầu đối phương dừng chế giễu...</i> + <i>Tiếp cận lời khen chê</i> + <i>Giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi</i>	
65	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Thể thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Trẻ biết Bác Hồ rất yêu quý các cháu thiếu nhi. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ (Lăng Bác Hồ) - Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	9
b. Phát triển kĩ năng xã hội			
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
66	Trẻ có thể thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ - Một số quy định ở gia đình: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ	1,3, 8

		- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu” - <i>Kỹ năng tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh:</i> + <i>Bảo vệ những đồ dùng/ sản phẩm của cá nhân và tôn trọng đồ dùng/sản phẩm của người khác: Bảo vệ giữ gìn đồ dùng đồ chơi và tôn trọng sản phẩm của mình và của bạn</i> - <i>Kỹ năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp xã hội: Thực hiện quy định nơi công cộng (Xếp hàng chờ đến lượt, không làm ồn...)</i> - Tiết kiệm nước	
67	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- <i>Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).</i> - <i>Kỹ năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp xã hội:</i> + <i>Ứng xử phù hợp với người giao tiếp</i> + <i>Thể hiện sự biết ơn, tôn trọng những gì người khác làm cho mình</i> + <i>Thể hiện sự biết lỗi: Biết xin lỗi khi mắc lỗi</i> - <i>Nhận quà/li xì ngày tết: Trẻ biết</i>	6

		<i>khoanh tay xin và nói lời cảm ơn</i> + Đón khách đến nhà: <i>Biết lễ phép chào hỏi và mời khách vào nhà</i> + Đến chơi nhà người khác: <i>Biết lễ phép chào hỏi, không tự ý chạm và sử dụng di chuyển đồ đạc trong nhà, tuân thủ quy tắc của chủ nhà...</i> - <i>Kỹ năng đồng cảm với người khác: Ứng xử khi người khác có lỗi</i>	
68	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	4
69	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt (HỢP tác) - Chia sẻ cảm thông với bạn vùng thiên tai. - <i>Kỹ năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp xã hội:</i> + <i>Chơi vui vẻ, là người bạn tốt</i> - <i>Kỹ năng tôn trọng sự đa dạng:</i> + <i>Ứng xử khi người khác không giống với mình: Tôn trọng và hoà hợp với người khác mình</i>	6
*Quan tâm đến môi trường			
70	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- <i>Kỹ năng sống hài hoà với môi trường tự nhiên:</i> + <i>Yêu quý, bảo vệ, chăm sóc con vật và</i>	5,6

		cây cối, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên + Sử dụng vật liệu tự nhiên/ tái chế: Lá cây, vỏ chai, bìa, tre nứa.. - Kỹ năng suy nghĩ sáng tạo: + Phát hiện và lựa chọn các vật liệu đồ dùng thay thế Trẻ biết chọn các vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm	
71	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện nước - Kỹ năng sống hài hoà với môi trường tự nhiên: + Phân loại rác + Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hàng ngày (quần áo, đồ dùng học tập, thực phẩm...)	1,8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
a. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
72	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1->9
73	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	1->9

	hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.		
74	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	1->9
b. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình)			
75	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1->9
76	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1->9
77	Trẻ biết Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích - <i>Kỹ năng suy nghĩ, sáng tạo:</i> + <i>Tìm kiếm những cách làm khác nhau:</i> <i>Trẻ sáng tạo ra các sản phẩm bằng các cách làm khác nhau</i>	1-9
78	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1->9

79	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.	2 ->8
80	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.	2,3,6,9
81	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	2,4,5,6,7,8
82	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	1->9
c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
83	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi / nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1->9
84	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	9
85	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->9

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ
NĂM HỌC: 2025 - 2026**

Thời gian (Từ ngày 8 /9/2025 đến ngày 22/5/2026)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
01->05/09		<i>Hoạt động ngoại khóa</i>				
Từ ngày 08/9 → 19/9/2025	1	Trường mầm non thân yêu (2 tuần)	Trường mầm non thân yêu của bé Đồ dùng đồ chơi của bé	1 1	Ngày hội đến trường của bé (5/9)	
Từ ngày 22/9 → 24/10	2	Bản thân (5 tuần)	Bé hãy giới thiệu về mình Cơ thể tôi Bé vui đón tết trung thu Ngày hội của các bà, mẹ, cô giáo, các bạn gái 20/10 Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 1 1 1 1	Tết trung thu; Ngày hội của các bà, mẹ, cô giáo, các bạn gái (20/10)	
Từ ngày	3	Gia đình của bé (5 tuần)	Mời bạn đến thăm gia đình tôi Gia đình sống chung một ngôi nhà	1 1	Ngày hội của các cô giáo (20/11)	

27/10 → 28/11			Nhu cầu gia đình (T1)	1		
			Ngày hội của các cô giáo 20/11	1		
			Nhu cầu gia đình (T2)	1		
Từ ngày 01/12 → 26/12	4	Các nghề phổ biến (4 tuần)	Nghề sản xuất	1	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	
			Nghề chăm sóc sức khỏe	1		
			Nghề xây dựng	1		
			Nghề giúp đỡ cộng đồng	1		
Từ ngày 29/12 → 6/02/2026	5	Thế giới động vật (6 tuần)	Con vật nuôi trong gia đình (Tuần 1)	1	Tết dương lịch	
			Con vật nuôi trong gia đình (Tuần 2)	1		
			Con vật sống trong rừng	1		
			Một số con vật sống dưới nước (Tuần 1)	1		
			Một số con vật sống dưới nước (Tuần 2)	1		
			Côn trùng và chim	1		
Từ ngày 09/02 → 20/03	6	Thế giới thực vật (5 tuần)	Bé vui đón tết - mùa xuân	1	Tết nguyên đán. Lễ hội hoa ban và ngày	
			Cây cho hoa	1		
			Ngày hội 8/3	1		

			Cây cho quả	1	quốc tế phụ nữ 8/3	
			Một số loại rau	1		
Từ ngày Từ 23/3 → 10/4	7	Phương tiện và quy định giao thông (3 tuần)	Một số phương tiện giao thông	1		
			Một số quy định giao thông (Tuần 1)	1		
			Một số quy định giao thông (Tuần 2)	1		
Từ ngày 13/4 → 1/5	8	Hiện tượng tự nhiên (2 tuần)	Nước và một số hiện tượng thiên nhiên	1	Ngày giỗ tổ Hùng Vương 10/3 (Âm lịch). Ngày giải phóng miền nam 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5	
			Mùa hè	1		
			Ôn tập	1		
Từ ngày 04/5 → 22/5	9	Quê hương đất nước Bác Hồ (3 tuần)	Bản làng em	1	Ngày sinh nhật Bác 19/5 và quốc tế thiếu nhi 1/6	
			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1		
			Tết thiếu nhi 1/6	1		

NGƯỜI LẬP

TỔ TRƯỞNG

NHÀ TRƯỞNG KÝ DUYỆT

Luu Thị Diệp

Tòng Thị Hằng

Hoàng Thị Sự

